

Số: 23 /2020/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và
cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy
định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế,
khu công nghệ cao;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy
định về quản lý khu công nghiệp và kinh tế;*

*Căn cứ Quyết định số 1586/QĐ-TTg ngày 09/10/2009 của Thủ tướng Chính
phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ về việc
thi điểm thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Đồn trực thuộc Ủy ban nhân
dân tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 544/QĐ-TTg ngày 21/4/2020 của Thủ tướng
Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý
Khu kinh tế Vân Đồn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;*

*Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ
Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường trong khu công nghiệp, khu
kinh tế, khu công nghệ cao;*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh tại Tờ trình số
1039/TTr-BQLKKT ngày 13/5/2020 về việc ban hành quy định chức năng,
nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng
Ninh; Báo cáo thẩm định số 140/BC-STP ngày 17/6/2020 của Sở Tư Pháp và đề
nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 75/TTr-SNV ngày 19/6/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh (sau đây viết tắt là Ban Quản lý) là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu kinh tế cửa khẩu (sau đây viết tắt là các KCN, KKT) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, không bao gồm Khu kinh tế Vân Đồn, theo quy định tại Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và pháp luật có liên quan; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có

liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư, trong các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác và kinh phí hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của các bộ, ngành quản lý về ngành, lĩnh vực có liên quan; có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý KCN, KKT.

3. Ban Quản lý có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu mang hình quốc huy; trụ sở làm việc chính tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và có đại diện tại KCN, KKT; sử dụng kinh phí quản lý hành chính nhà nước, kinh phí hoạt động sự nghiệp và vốn đầu tư phát triển do ngân sách nhà nước cấp theo kế hoạch hàng năm; nguồn kinh phí khác theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý

Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, phân cấp, ủy quyền của các cơ quan có thẩm quyền và các nhiệm vụ, quyền hạn khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao (*trừ các nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Đồn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 16/5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh*), cụ thể:

1. Tham gia ý kiến với các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch có liên quan đến hoạt động đầu tư, phát triển KCN, KKT.

2. Ban Quản lý là cơ quan đầu mối, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý hoạt động đầu tư trong các KCN, KKT trên địa bàn tỉnh. Các bộ, ngành, cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương khi triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tại các KCN, KKT có trách nhiệm phối hợp và lấy ý kiến tham gia của Ban Quản lý, đảm bảo cho hoạt động quản lý nhà nước KCN, KKT thống nhất, tránh chồng chéo và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Về quản lý đầu tư

a) Xây dựng Kế hoạch hàng năm và 5 năm về phát triển KCN, KKT trình Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

b) Xây dựng chương trình, kế hoạch về xúc tiến đầu tư phát triển KCN, KKT trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện;

c) Thuê tư vấn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn xúc tiến đầu tư, tư vấn chiến lược đầu tư xây dựng và phát triển KKT;

d) Lập dự toán vốn đầu tư phát triển hàng năm liên quan đến việc phát triển, đầu tư KCN, KKT và nguồn kinh phí khác (nếu có), trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

d) Xây dựng danh mục các dự án đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm và 05 năm trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc tự phê duyệt theo thẩm quyền;

e) Đăng ký đầu tư; cấp, điều chỉnh, thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thỏa thuận ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư;

g) Quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, C sử dụng vốn đầu tư công tại KKT theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

h) Đề xuất danh mục dự án, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, ký hợp đồng BOT, BTO, BT, các hình thức hợp đồng khác theo pháp luật về đối tác công tư, các dự án nhóm B, C theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; trực tiếp tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ODA;

i) Quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển KKT thuộc thẩm quyền; quản lý đầu tư, xây dựng, đấu thầu đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước tại KKT thuộc thẩm quyền; các chương trình mục tiêu và các nguồn vốn khác được giao theo quy định của pháp luật;

k) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phương án phát hành trái phiếu công trình; phương án huy động các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quan trọng trong KKT;

l) Giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư tại KCN, KKT và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

m) Theo phân cấp, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thẩm định công nghệ, đánh giá công nghệ, đánh giá trình độ công nghệ, thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ; kiểm tra, kiểm soát công nghệ và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, hoạt động nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ của doanh nghiệp;

n) Đánh giá hiệu quả đầu tư trong KCN, KKT;

o) Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài về các lĩnh vực có liên quan đến đầu tư xây dựng và phát triển KCN, KKT;

p) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng và quản lý hệ thống thông tin về KCN, KKT thuộc thẩm quyền quản lý;

q) Thực hiện nhiệm vụ đầu mối tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch, quản lý, hỗ trợ chuyển đổi, phát triển mô hình KCN, KKT mới.

4. Về quản lý quy hoạch và xây dựng

a) Xây dựng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng KKT;

b) Quy hoạch xây dựng các khu chức năng phù hợp với quy hoạch chung xây dựng KKT đã được phê duyệt, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết trong KKT trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Thực hiện các nhiệm vụ sau theo ủy quyền của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền: Điều chỉnh quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt của KCN, các khu chức năng trong KKT nhưng không làm thay đổi cơ cấu quy hoạch; phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng các dự án trong KCN, khu chức năng trong KKT thuộc diện phải lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo pháp luật về xây dựng (trừ các dự án an sinh, xã hội, quốc phòng - an ninh); cấp giấy phép quy hoạch xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng thuộc diện cấp giấy phép trong KCN, khu chức năng trong KKT (trừ các dự án an sinh xã hội, quốc phòng - an ninh); thực hiện thẩm quyền thẩm định dự án và thiết kế, dự toán xây dựng của Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành đối với các dự án, công trình trong KCN, KKT; cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại Giấy phép xây dựng công trình đối với công trình xây dựng phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng công trình; thực hiện công tác quản lý chất lượng công trình đối với các dự án trong KCN, KKT;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng hệ thống các công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội, các công trình dịch vụ và tiện ích công cộng được đầu tư từ ngân sách nhà nước trong KKT;

đ) Hỗ trợ, cung cấp thông tin để các doanh nghiệp trong KCN, KKT liên kết, hợp tác với nhau thực hiện cộng sinh công nghiệp, các biện pháp sản xuất sạch hơn, hình thành các KCN sinh thái, KCN hỗ trợ, khu, cụm liên kết ngành; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng KCN trong trường hợp phải điều chỉnh quy hoạch xây dựng KCN khi chuyển đổi thành KCN sinh thái.

5. Về quản lý môi trường

a) Tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh trong KCN, KKT; tiếp nhận đăng ký và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư thuộc diện phải đăng ký trong KCN, KKT; kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của các dự án đầu tư trong KCN, KKT theo ủy quyền của các cơ quan có thẩm quyền;

b) Phối hợp với cơ quan chức năng giải quyết các tranh chấp về môi trường giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong KCN, KKT hoặc với các tổ chức, cá nhân ngoài phạm vi KCN, KKT;

c) Công khai thông tin về bảo vệ môi trường KCN, KKT; tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cho chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN, KKT;

d) Hướng dẫn, kiểm tra chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong KCN, KKT thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các quy định bảo vệ môi trường; phát hiện và kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; huy động lực lượng ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường tại các KCN, KKT.

6. Về quản lý tài nguyên

a) Tiếp nhận đăng ký khung giá cho thuê đất, cho thuê lại đất và phí hạ tầng KCN, KKT của nhà đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng KCN, khu chức năng trong KKT;

b) Quản lý và sử dụng có hiệu quả quỹ đất, mặt nước chuyên dùng đã được giao theo đúng mục đích sử dụng và phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng KKT, Quy hoạch xây dựng các khu chức năng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Giao lại đất có thu tiền sử dụng đất, giao lại đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất và thực hiện các thẩm quyền khác về quản lý đất đai trong KKT theo quy định của pháp luật về đất đai;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong Khu kinh tế, Khu công nghệ cao và quy định tại các văn bản có liên quan; các quy định của pháp luật đất đai trong KCN, KKT;

đ) Phối hợp với các Sở, ban, ngành xem xét, giải quyết các thủ tục hồ sơ có liên quan đến lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước... trong phạm vi quản lý của Ban Quản lý.

7. Về quản lý doanh nghiệp và lao động

a) Thực hiện các nhiệm vụ sau theo ủy quyền của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền ủy quyền: Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy phép lao động và xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm việc trong KCN, KKT; tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp trong KCN, KKT về nhu cầu sử dụng người nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được; tổ chức thực hiện đăng ký nội quy lao động; tiếp nhận thỏa ước lao động tập thể, hệ thống thang lương, bảng lương, định mức lao động, khai trình việc sử dụng lao động, báo cáo tình hình thay đổi về lao động; tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thực hiện Hợp đồng nhận lao động thực tập của doanh nghiệp, hoạt động đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày cho doanh nghiệp trong KCN, KKT; nhận báo cáo về việc cho thôi việc nhiều người lao động, cho thuê lại lao động, kết quả đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề hàng năm; nhận thông báo về địa điểm, địa bàn, thời gian bắt đầu hoạt động và người quản lý, người giữ chức danh chủ chốt của doanh nghiệp thuê lại lao động, thông báo tổ chức làm thêm từ trên 200 giờ đến 300 giờ trong một năm của doanh nghiệp trong KCN, KKT;

b) Hàng năm dự báo nhu cầu sử dụng lao động trong KCN, phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong KCN;

c) Nhận báo cáo thống kê, báo cáo tài chính của doanh nghiệp hoạt động trong KCN, KKT;

d) Tổ chức phong trào thi đua và khen thưởng cho doanh nghiệp trong KCN, KKT.

8. Về quản lý thương mại

a) Cấp, cấp lại, điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép thành lập văn phòng đại diện và chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức, thương nhân nước ngoài đặt trụ sở tại KCN, KKT theo quy định pháp luật về thương mại;

b) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung và gia hạn Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh trong KKT đối với doanh nghiệp du lịch nước ngoài theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn hoặc ủy quyền của các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Cấp các loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa sản xuất tại KCN, KKT trên cơ sở ủy quyền của Bộ Công Thương;

d) Cấp một số loại giấy phép, chứng chỉ, chứng nhận khác trong KCN, KKT theo ủy quyền của các cơ quan có thẩm quyền.

9. Về kiểm tra, giám sát và hỗ trợ hoạt động đầu tư

a) Quản lý, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định, quy hoạch, kế hoạch có liên quan tới KCN, KKT đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chủ trì thực hiện kiểm tra, phối hợp với cơ quan chức năng khi các cơ quan chức năng tổ chức các cuộc thanh tra việc thực hiện quy định, quy hoạch, kế hoạch có liên quan tới KCN, KKT; đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý đối với KCN, KKT;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu đầu tư quy định tại văn bản phê duyệt chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ góp vốn và triển khai dự án đầu tư; việc thực hiện các điều khoản cam kết đối với các dự án được hưởng ưu đãi đầu tư và việc chấp hành pháp luật về xây dựng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động, bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh - trật tự, bảo vệ môi trường đối với các dự án tại KCN, KKT;

d) Phối hợp với các đơn vị Công an và các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền khác trong việc kiểm tra công tác giữ gìn an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, xây dựng và đề xuất những biện pháp thực hiện công tác bảo đảm an ninh, trật tự, tổ chức lực lượng bảo vệ, lực lượng phòng cháy, chữa cháy trong KCN, KKT;

đ) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong khu theo thẩm quyền.

10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp làm việc với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc các cơ quan có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện;

b) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan bảo đảm hoạt động trong KKT phù hợp quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển KKT đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và các quy định có liên quan;

c) Báo cáo định kỳ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình: Xây dựng và phát triển KCN, KKT; thực hiện việc cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; triển khai và hoạt động của dự án đầu tư; thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước; thực hiện các quy định của pháp luật lao động trong KCN và các biện pháp bảo vệ môi trường trong KCN, KKT;

d) Dự toán ngân sách, kinh phí hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí khác (nếu có) trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan. Quản lý và thực hiện việc thu, chi hành chính, sự nghiệp được giao theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý tài chính, tài sản, ngân sách được giao; thu và quản lý sử dụng các loại phí, lệ phí; nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, viên chức và đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức, viên chức của Ban quản lý;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và biên chế của Ban Quản lý

1. Lãnh đạo Ban Quản lý:

a) Ban Quản lý gồm Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

b) Trưởng ban Quản lý là người đứng đầu Ban Quản lý, có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Ban Quản lý, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật về hoạt động và hiệu quả hoạt động của khu công nghiệp, khu kinh tế; phối hợp với người đứng đầu các Sở, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Quản lý;

c) Phó Trưởng Ban Quản lý là người giúp Trưởng Ban, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công; khi

Trưởng Ban vắng mặt, một Phó Trưởng Ban được Trưởng Ban ủy quyền điều hành các hoạt động của Ban Quản lý;

d) Việc bổ nhiệm Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật; việc điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện các chế độ chính sách khác đối với Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cơ cấu tổ chức:

a) Các tổ chức tham mưu giúp việc:

- Văn phòng;
- Phòng Quản lý đầu tư;
- Phòng Quản lý quy hoạch và xây dựng;
- Phòng Quản lý doanh nghiệp;
- Phòng Quản lý tài nguyên và môi trường;
- Phòng Hỗ trợ và giám sát hoạt động đầu tư;
- Các Văn phòng đại diện tại KCN, KTT: Văn phòng đại diện các KCN, KKT khu vực miền Đông; Văn phòng đại diện các KCN, KTT khu vực miền Tây.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập: Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ đầu tư là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư.

3. Biên chế công chức và số lượng người làm việc

a) Biên chế công chức của Ban quản lý do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong tổng biên chế hành chính được cấp có thẩm quyền giao.

b) Số lượng người làm việc: Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ đầu tư được quyết định số lượng người làm việc theo danh mục vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt, đúng quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Ban Quản lý có trách nhiệm ban hành Quyết định quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ phối hợp của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc theo quy định hiện hành và điều chỉnh giữa các phòng nhân sự giữa các phòng chuyên môn để bố trí việc làm phù hợp. Đồng thời, xây dựng Quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa Ban Quản lý khu kinh tế Quảng Ninh với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với KCN, KTT; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020 và thay thế Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh và Quyết định số 1519/2017/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh.


Điều 5. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Đồn; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Như Điều 5 (để thực hiện);
- V0-4; các CV NCTH VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH5.

QĐ185

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thắng